

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1900/QĐ-UBND

Vạn Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 3 năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/12/2018 của HĐND huyện Vạn Ninh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 3 năm 2019, gồm có 3 biểu đính kèm (Biểu số 93/CK-NSNN, biểu số 94/CK-NSNN, biểu số 95/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- TT HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy Vạn Ninh;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND, Phòng TC-KH. KH/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Bảo

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1900 ngày 10 / 10 /2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019		Thực hiện Quý 3/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tính giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	178.260	178.260	247.397	86,77	146,06
I	Thu cân đối NSNN	178.260	178.260	154.676	86,77	154,32
1	Thu nội địa	178.260	178.260	154.676	86,77	120,69
2	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			92.721		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.481	569.481	375.289	65,90	154,82
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	569.481	569.481	375.289	65,90	154,82
1	Chi đầu tư phát triển	86.000	86.000	51.854	60,30	61,12
2	Chi thường xuyên	456.369	456.369	323.435	70,87	101,94
3	Dự phòng ngân sách	12.952	12.952			
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	14.160	14.160			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 3 NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1900 ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019		Thực hiện quý 3/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	178.260	178.260	154.676	86,77	320,84
I	Thu nội địa	178.260	178.260	154.676	86,77	320,84
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			475		91,17
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			92		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc	67.300	67.300	36.153	53,72	101,94
3.1	- Thuế giá trị gia tăng	49.750	49.750	26.716	53,70	104,58
3.2	- Thuế TNDN	7.080	7.080	5.074	71,67	130,24
3.3	- Thuế TTĐB	350	350	235	67,14	127,72
3.4	- Thuế tài nguyên	10.120	10.120	4.128	40,79	70,70
3.5	- Thuế môn bài	-	-			
3.6	- Thu khác	-	-			
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	10.000	7.226	72,26	94,66
5	Thuế bảo vệ môi trường		-			
6	Lệ phí trước bạ	28.010	28.010	15.452	55,17	73,29
7	Thu phí, lệ phí	9.800	9.800	5.039	51,42	89,71
7.1	- Trung ương	850	850	369		68,33
7.2	- Tỉnh, Huyện	7.750	7.750	2.946	38,01	84,66
7.3	- Xã	1.200	1.200	1.724	143,67	107,95
8	Các khoản thu về nhà, đất	39.200	39.200	78.497	200,25	187,11
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	55	110,00	171,88
-	Thuế chuyển quyền sử dụng đất					
-	Thu tiền sử dụng đất	34.000	34.000	73.950	217,50	195,80
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	444	444	448	100,90	126,91
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.706	4.706	4.044	85,93	106,45
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-			
10	Thu khác ngân sách	18.950	18.950	6.983	36,85	62,59
-	Cấp TW	8.450	8.450	2.326	27,53	80,21
-	Cấp tỉnh	7.500	7.500	1.489	19,85	24,61
-	Cấp huyện	1.000	1.000	1.146	114,60	180,19
-	Cấp xã	2.000	2.000	2.022	101,10	128,87
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.000	5.000	4.106		86,99

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019		Thực hiện quý 3/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
12	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế. Chênh lệch thu chi của NHNN			653		
II	Thu viện trợ					
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	127.150	127.150	127.354	100,16	174,75
1	Từ các khoản thu phân chia	41.170	41.170	23.058	56,01	177,36
1.1	Thu từ khu vực NQD:	41.170	41.170	23.058	56,01	177,36
a	- Thuế giá trị gia tăng	35.820	35.820	19.236	53,70	170,67
b	- Thuế TNDN	5.098	5.098	3.653	71,67	223,62
c	- Thuế TTĐB	252	252	169	67,14	176,69
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	85.980	85.980	104.296	121,30	174,18
2.1	Thu từ khu vực NQD:	10.120	10.120	4.128	40,79	70,70
a	- Thuế tài nguyên	10.120	10.120	4.128	40,79	70,70
b	- Thuế môn bài			-		
c	- Thu khác			-		
2.2	Lệ phí trước bạ	28.010	28.010	15.452	55,17	73,29
2.3	Thu phí, lệ phí:	5.800	5.800	3.437	59,26	540,41
a	+ Cấp huyện	4.600	4.600	1.713	37,24	269,34
b	+ Cấp xã	1.200	1.200	1.724	143,67	
2.4	Các khoản thu về nhà, đất:	34.050	34.050	74.005	217,34	176,40
a	Thuế sử dụng đất NN	-	-	-		
b	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	55	110,00	171,88
c	Thuế chuyển quyền SDD	-	-	-		
d	Thu tiền sử dụng đất	34.000	34.000	73.950	217,50	195,80
e	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	-	-			
f	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-		
g	Thu bán nhà thuộc SHNN	-	-	-		
2.5	Thu khác cấp huyện (phạt, thuê mặt bằng...)	3.000	3.000	3.168	105,60	498,11
2.6	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.000	5.000	4.106	82,12	86,99

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1900 ngày 10 / 10 / 2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý 3/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tĩnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm huyện	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/2	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.481	569.481	401.121	70,44	99,75
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.481	569.481	401.121	70,44	99,75
I	Chi đầu tư phát triển	86.000	86.000	51.854	60,30	61,12
II	Chi thường xuyên	456.369	456.369	323.435	70,87	101,94
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	240.392	240.392	168.963	70,29	116,30
2	Chi khoa học và công nghệ					
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.182	4.182			
4	Chi văn hóa thông tin	2.699	2.699	2.113	78,29	143,45
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.773	1.773	680	38,35	38,12
6	Chi thể dục thể thao	540	540	469	86,85	142,55
7	Chi bảo vệ môi trường	2.000	4.893	3.240	66,22	84,62
8	Chi hoạt động kinh tế	51.356	46.672	41.084	88,03	93,60
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	94.972	96.813	66.402	68,59	111,51
10	Chi bảo đảm xã hội	44.153	44.103	32.331	73,31	70,53
11	Chi trợ giá hàng chính sách					
12	Chi An ninh - Quốc phòng	11.120	11.120	6.810	61,24	60,65
13	Chi khác	3.182	3.182	1.343	42,21	140,63
III	Dự phòng ngân sách	12.952	12.952			
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	14.160	14.160			
V	Chi nộp ngân sách cấp trên			25.832		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					

HÀNH CHÍNH